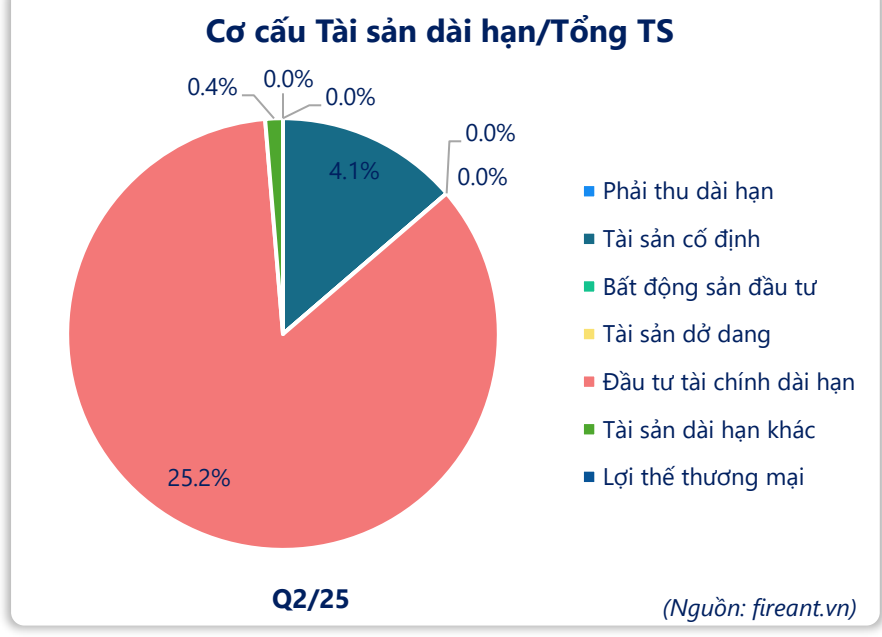
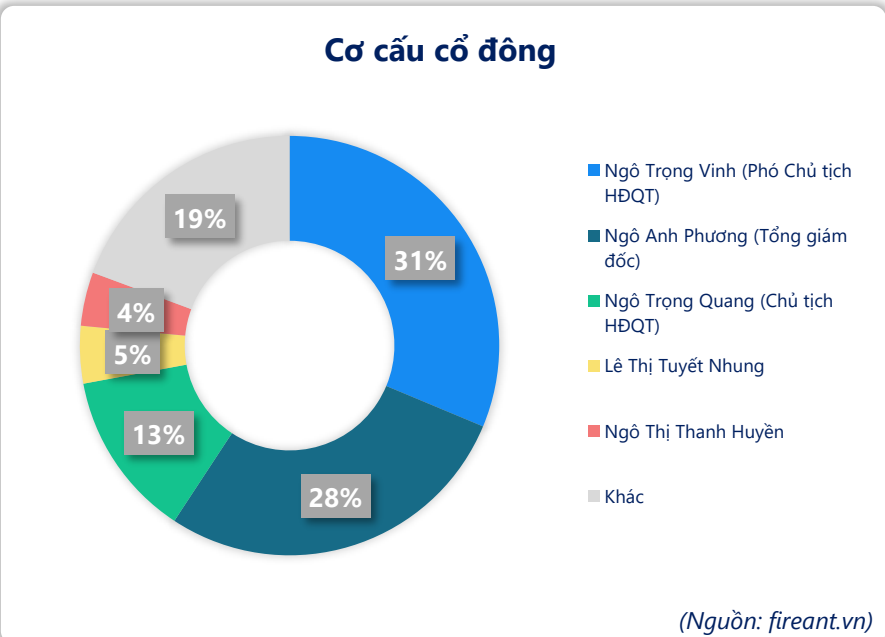
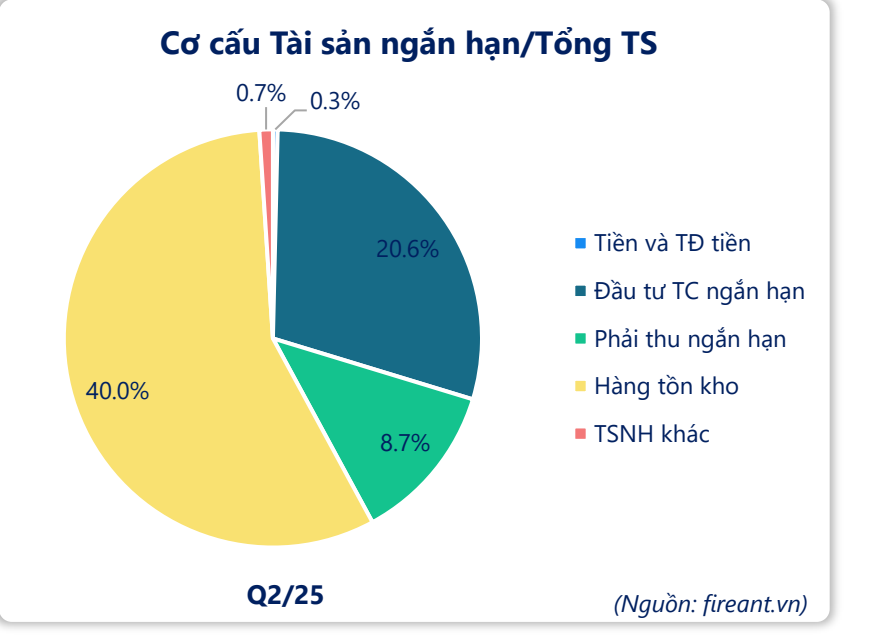
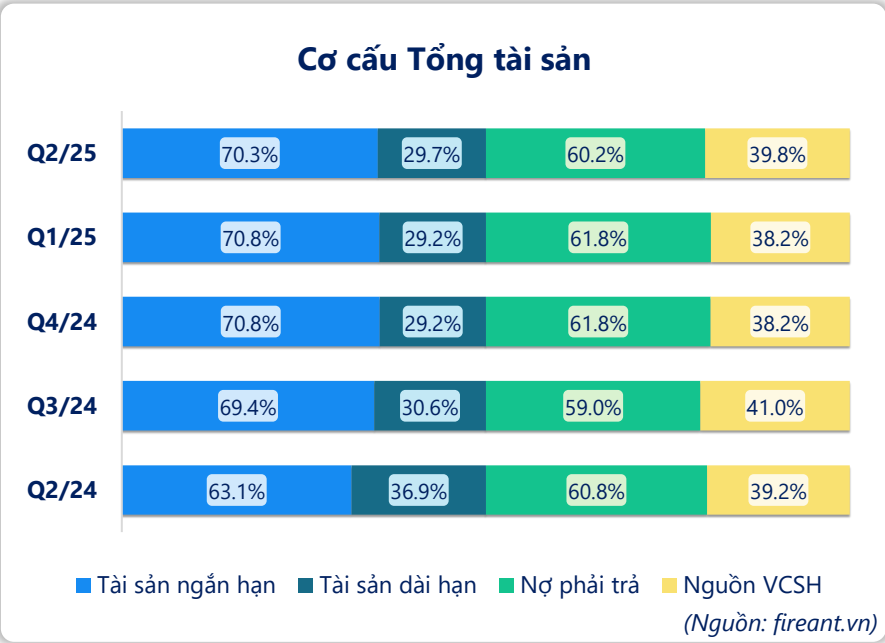
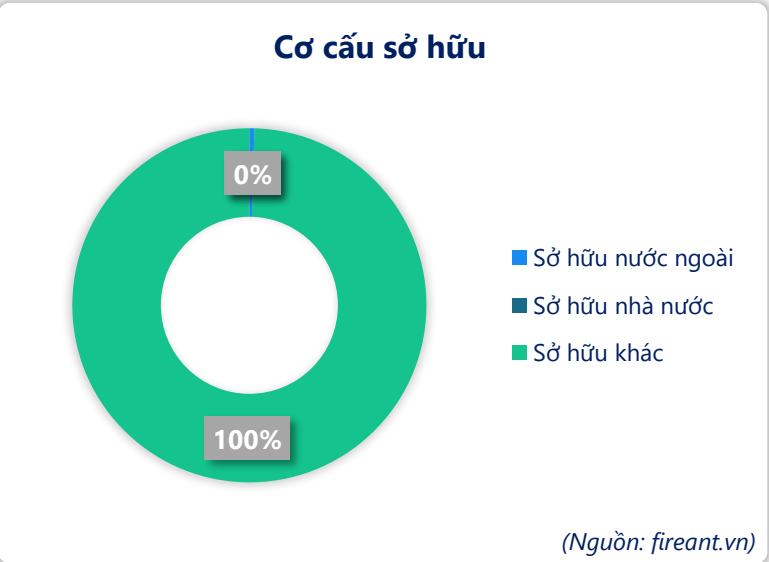
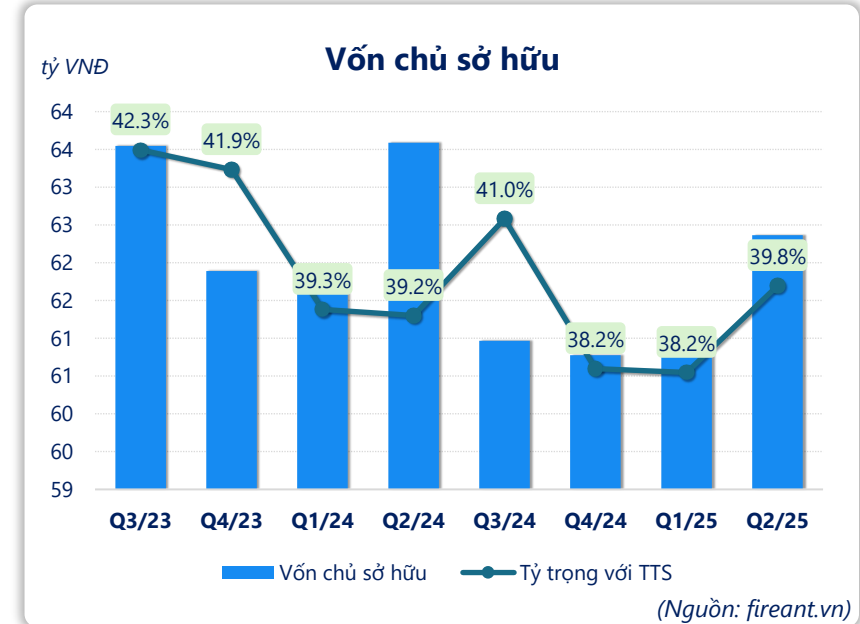
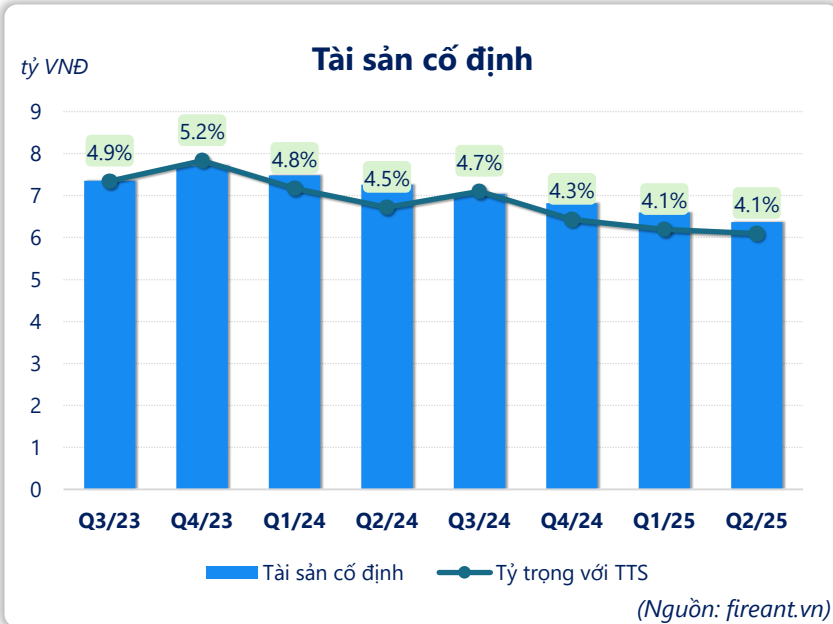
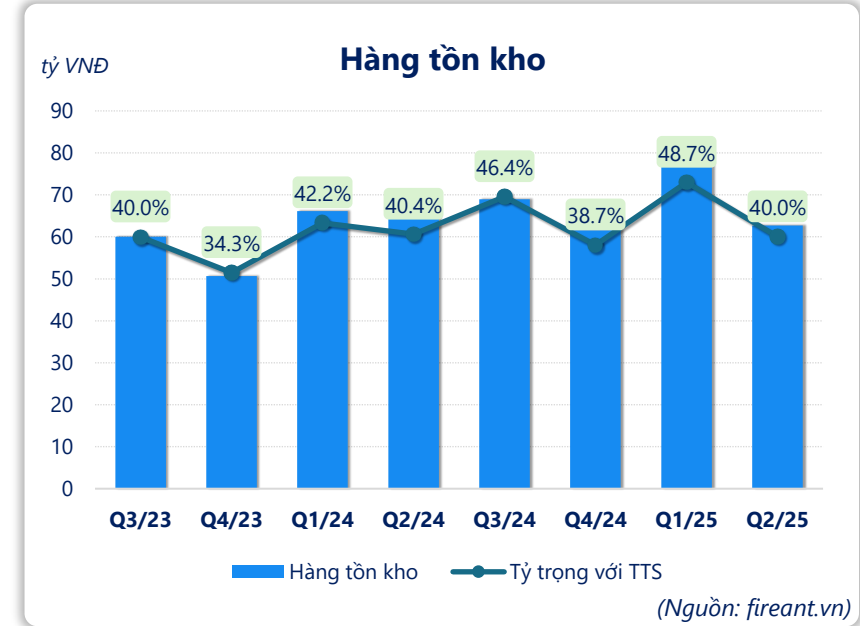
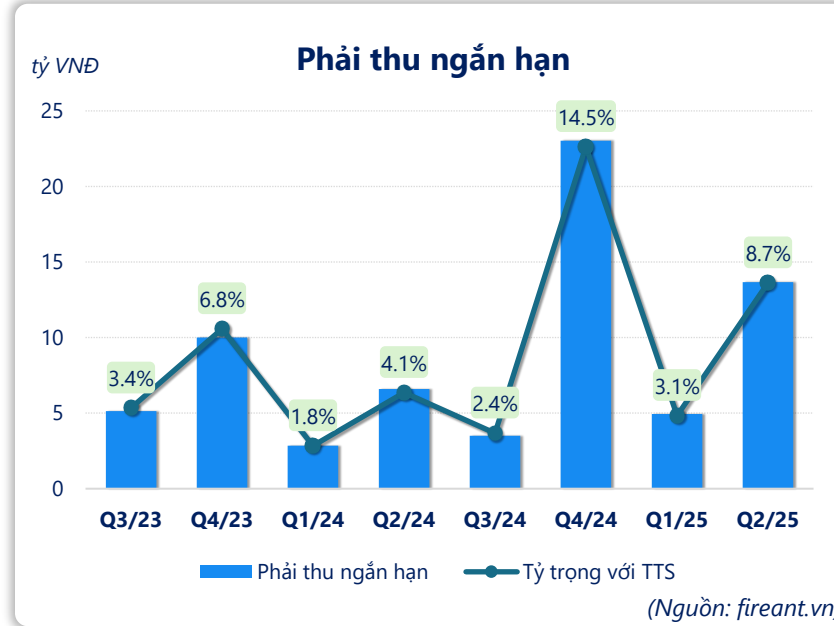
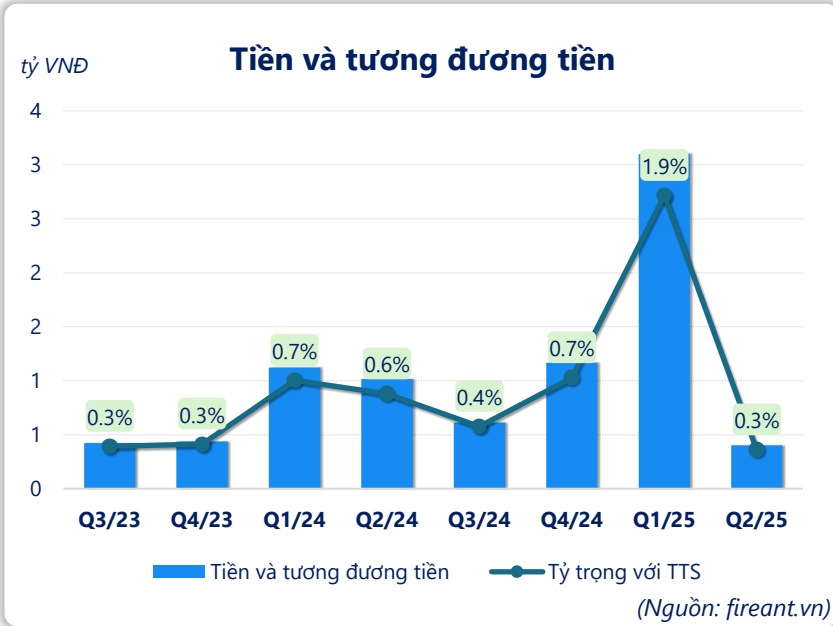
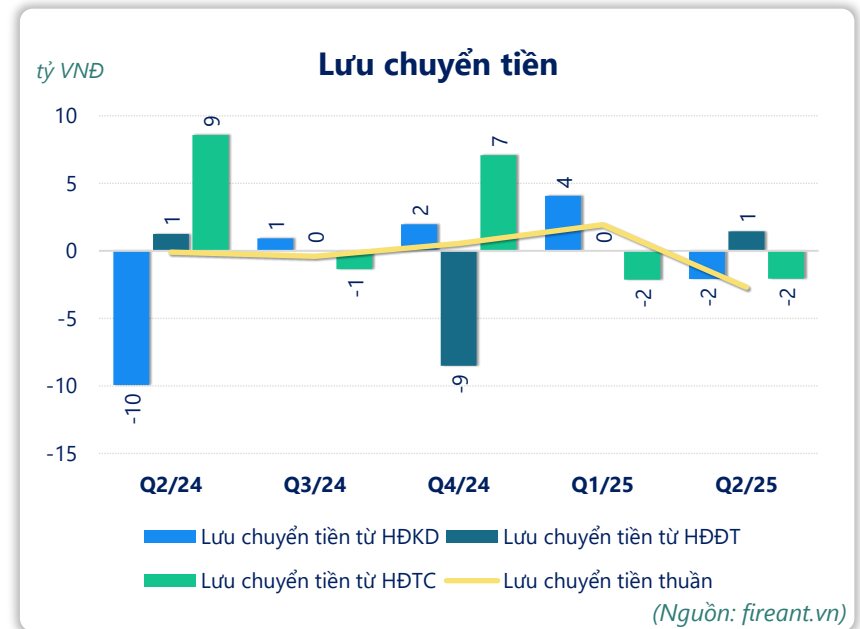
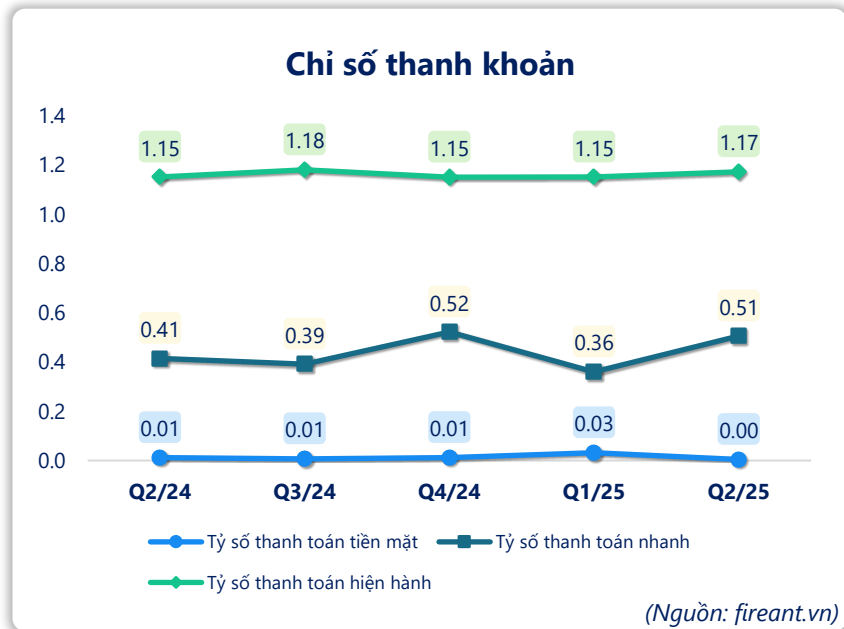
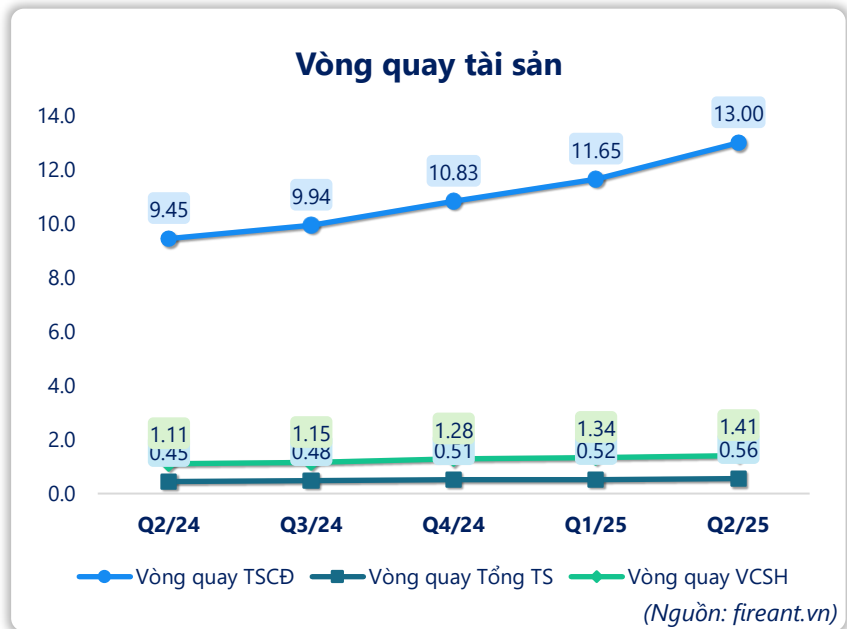
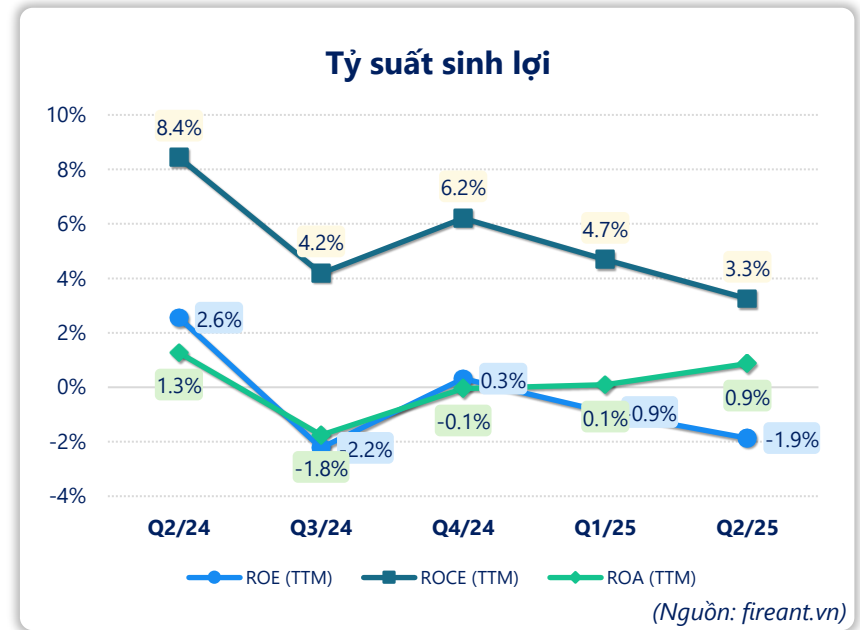
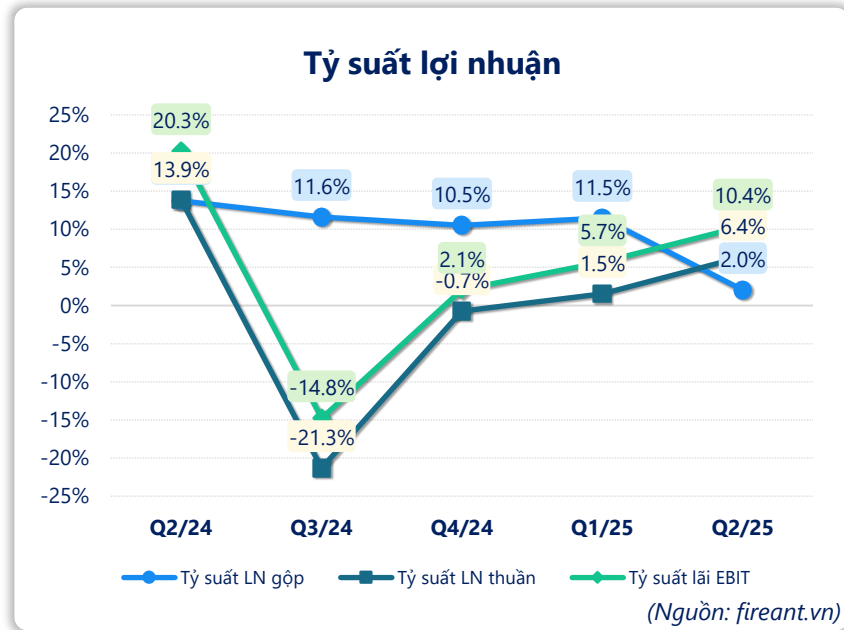
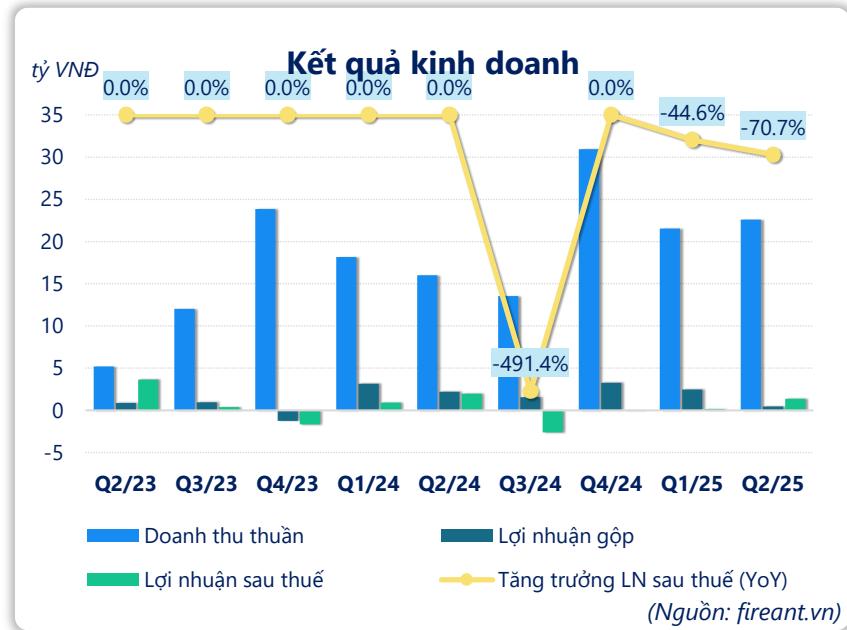


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,778
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		5,108,347
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,695
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		44
P/E		-37.4
EPS		-230

	YTD	1T	3T	6T
CMC	72.8%	29.0%	40.2%	56.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	157	159	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	110	112	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	0.40	1.17	-65.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.4	26.0	24.3%
Phải thu ngắn hạn	13.7	21.4	-36.0%
Hàng tồn kho	62.7	62.8	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.15	0.84	36.3%
Tài sản dài hạn	46.5	46.9	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.37	6.82	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	39.5	39.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.61	0.51	20.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.4	98.2	-3.8%
Nợ ngắn hạn	94.0	97.7	-3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.8	94.9	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0.38	0.52	-25.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.13	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.4	60.8	2.5%
Vốn chủ sở hữu	62.4	60.8	2.5%
Vốn điều lệ	45.6	45.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	16.0	13.6	30.9	21.5	22.6
Giá vốn hàng bán	13.8	12.0	27.7	19.1	22.1
Lợi nhuận gộp	2.20	1.58	3.25	2.48	0.46
Doanh thu HĐTC	1.53	0.03	0.73	0.02	1.43
Chi phí TC	0.60	3.52	3.06	0.93	-0.59
Chi phí lãi vay	1.02	0.89	0.87	0.89	0.90
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.09	0.12	0.23	0.14	0.04
Chi phí QLDN	0.82	0.85	0.92	1.09	0.99
LN thuần từ HĐKD	2.22	-2.89	-0.22	0.33	1.45
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0	0	-0.01
LN trước thuế	2.22	-2.89	-0.22	0.33	1.44
Lợi nhuận sau thuế	2.00	-2.62	-0.08	0.15	1.38
LNST của CĐ cty mẹ	2.00	-2.62	-0.08	0.15	1.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.94	0.93	1.98	4.07	-2.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.26	0.03	-8.51	0	1.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.57	-1.36	7.09	-2.14	-2.07
Tiền đầu kỳ	1.12	1.02	0.61	1.17	3.10
Lưu chuyển tiền thuần	-0.10	-0.40	0.55	1.93	-2.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.02	0.61	1.17	3.10	0.40

(Nguồn: fireant.vn)